

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 20 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,  
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Lê Chí Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019.

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**Bị đơn:** Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1991.

ĐKNKTT: Thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 440, đường N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

*(Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị M)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M tìm hiểu và sống chung với nhau tại thành phố Sài Gòn từ năm 2012. Đến năm 2013, sau khi sinh

con song anh T, chị M mới đến Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P đăng ký kết hôn. Anh T và chị M kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại thôn A, xã T, thành phố Phủ Lý được khoảng ba tháng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn chị M không chịu đựng được nên đã mang theo con nhỏ bỏ đi. Anh T đã tìm chị M nhiều lần và khuyên chị M về chung sống nhưng chị M không đồng ý đoàn tụ. Từ năm 2013 đến nay chị M và anh T mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân giữa anh và chị M được nữa vì vậy anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị M có một con chung là cháu Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 22/12/2012. Khi vợ chồng ly hôn anh T tự nguyện để chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị M không có tài sản, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Phần trình bày của bị đơn chị Lê Thị Ngọc M:

Về hôn nhân: Ngày, tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn chị M có lời khai phù hợp với anh T. Theo chị M sau khi kết hôn anh T và chị M có thời gian chung sống tại thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn lại còn coi thường vợ con do vậy cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân đã lâu và không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xin ly hôn chị M đồng ý ly hôn và lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý giải quyết việc ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung Nguyễn Lê Anh K (con trai) sinh ngày 22/12/2012. Khi vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Anh K và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Chị M không có con nuôi chung, con riêng, hiện chị M không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có gì chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* **Tại phiên tòa hôm nay:** Anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc M. Khi ly hôn anh T sẽ giao cháu Nguyễn Lê Anh K cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị M không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên anh T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Về tài sản và công nợ

chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Tại văn bản đề nghị ngày 18 tháng 6 năm 2019 chị Lê Thị Ngọc M đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xét xử vắng mặt chị. Chị M giữ nguyên quan điểm như đã khai tại văn bản lấy lời khai không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

\* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ - QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M.

Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T giao cháu Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 22/12/2012 cho chị M trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị M.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định.

**\* Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã sinh sống tại địa số nhà 440, đường N, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên ngày 16 tháng 8 năm 2019 bị đơn đã có đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý là nơi giải quyết vụ án ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc M đã được Tòa án thực hiện việc giao và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án chị M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**\* Về nội dung:** Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 06 tháng 4 năm 2013 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị M đều khẳng định từ vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau vì vậy không có tình cảm dành cho nhau. Đến nay, cả hai đều nhận thấy không thể chung sống cùng nhau nữa. Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M thuận tình ly hôn. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Lê Anh K sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn anh T và chị M cùng có quan điểm giao cháu Nguyễn Lê Anh K cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Xét nguyện vọng của đôi bên là tự nguyện phù hợp với điều kiện thực tế của chính các đương sự. Căn cứ quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân Gia đình HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M cùng khai không có gì chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Ngọc M phải nộp theo quy định pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T nộp toàn bộ án phí ly hôn cho chị Lê Thị Ngọc M.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M.

2/ Về con chung: Giao chị Lê Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Nguyễn Lê Anh K (con trai), sinh ngày 22/12/2012. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ngọc M mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T nộp toàn bộ án phí ly hôn cho chị Lê Thị Ngọc M. Anh T được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002047 ngày 26/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Ngọc M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã T, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**







